

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Bùi Minh Hiền

2. Ông: Lương Thanh H

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn H Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:* Ông: Nguyễn Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số /QĐHPT, ngày 16/4/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Ph, sinh năm: 1984

Trú tại: Phố 1 thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy Ch, Sinh năm: 1964

Trú tại: Phố 1 thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ph trình bày: Chị và anh Ch tìm hiểu trong thời gian ngắn thì tiến tới hôn nhân, đã chung sống với nhau từ tháng 2/2004 đến ngày 10/10/2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Lâm Xa (Nay là thị trấn C). Hôn nhân hạnh Phúc thời gian ngắn, quá trình chung sống anh Ch thường hay chửi bới, đánh đập, bạo lực gia đình với chị, vợ chồng mâu thuẫn, tranh cãi, hôn nhân đã không còn có hạnh Phúc, năm 2016 chị đi xuất khẩu lao động, đến năm 2022 chị đi xuất khẩu lao động về và không về chung sống với anh Ch nữa, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị thấy bản thân chị không còn có tình cảm với anh Ch nên có nguyện vọng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thị Yến Nh, sinh ngày 31/12/2004, Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày: 19/01/2006 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày: 06/01/2014. Cháu Yến Nh và Thúy H đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Gia B và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Anh Nguyễn Duy Ch tại bản tự khai và quá trình làm việc tại tòa án trình bày: Anh và chị Ph sống với nhau hạnh phúc, có với nhau 03 người con chung (02 gái, 01 trai), năm 2016 chị Ph bỏ gia đình đi xuất khẩu lao động để 03 con lại cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị Ph đi đến năm 2019 trở về được 06 tháng sau đó tiếp tục đi xuất khẩu lao động, đến năm 2022 chị Ph trở về. Tuy nhiên sau khi chị Ph trở về thì thấy tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn yêu thương anh như trước và có phát sinh tình cảm với người khác, khi anh phát hiện, chị Ph cũng đã từng viết bản cam kết, hứa thay đổi, sửa chữa nhưng sau đó vẫn đi theo người khác và về yêu cầu ly hôn với anh. Nay anh xét thấy thực tế vợ chồng có mâu thuẫn, anh đã cố gắng níu kéo để các con có gia đình hoàn chỉnh nhưng chị Ph đã cương quyết ly hôn thì anh đành chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị Ph trình bày. Hiện cháu Yến Nh và Thúy H đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Gia B hiện học lớp 5, đang còn nhỏ, trong khi đó từ nhỏ đến nay anh là người trực tiếp nuôi con, quá trình vợ chồng ly hôn anh cũng có nhiều lần trao đổi và cháu cũng có nguyện vọng ở với bố, vì vậy anh đề nghị Tòa án ly hôn giao cháu B cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản công nợ: Quá trình giải quyết anh Ch có nộp đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản, nhưng sau đó có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản.

Tại phiên hòa giải ngày 06/12/2024 chị Ph và anh Ch thuận tình ly hôn, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, về vấn đề con chung, anh Ch và chị Ph đều có nguyện vọng nuôi cháu Gia B, không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tại phiên tòa chị Ph trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn anh Ch, về con chung vợ chồng có 03 con chung, hai cháu lớn đã thành niên, các cháu ở với ai tùy các cháu. Nay ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Gia B không đề nghị anh Ch phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị thừa nhận sau khi cháu B được 2 tuổi do kinh tế khó khăn nên chị đi xuất khẩu lao động để lại cho anh Ch nuôi dưỡng ba con nhưng chị vẫn gửi tiền về, năm 2022 chị trở về thì thấy tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn yêu thương nhau nên sống ly thân nhưng chị đi làm xa vẫn có trách nhiệm lo cho cháu thứ hai ăn học, cháu B thì thoải mái vẫn gửi tiền về cho bà ngoại mua thức ăn. Nay tại phiên tòa cháu B có đơn và trình bày có nguyện vọng ở với bố là bị ép buộc, anh Ch hiện nay đã hết tuổi lao động nên không có đủ điều kiện nuôi con nên chị không đồng ý giao cháu B cho anh Ch nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án cháu B cũng có đơn và trình bày ở với chị vì vậy đề nghị Tòa xem xét. Về tài sản chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh Ch trình bày: Năm 2016 chị Ph tự ý bỏ gia đình đi xuất khẩu lao động để 03 con lại cho anh nuôi dưỡng, chị Ph đi đến năm 2019 trở về

được 06 tháng sau đó tiếp tục đi xuất khẩu lao động, đến năm 2022 chị Ph trở về anh ở nhà làm cơm đọi, khi về mang cả bạn trai về, khi anh phát hiện, chị Ph cũng đã từng viết bản cam kết, hứa thay đổi, sửa chữa nhưng sau đó vẫn đi theo người khác từ đó và về yêu cầu ly hôn với anh. Nay anh chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung. Hiện cháu Yến Nh và Thúy H đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Gia B hiện học lớp 5, đang còn nhỏ, từ nhỏ đến nay anh là người trực tiếp nuôi cháu ăn học. Nay ly hôn anh đề nghị giao cháu B cho anh trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu, không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại phiên tòa chị Ph cho rằng cháu B viết đơn có nguyện vọng ở với anh là bị ép buộc và cho rằng anh hết tuổi lao động không đủ điều kiện nuôi con là không có cơ sở, bản thân anh là người nuôi dưỡng cả ba con, cả mẹ chị Ph cũng ở chung, chị Ph bỏ đi từ năm 2016 không có trách nhiệm lại về tranh con, đề nghị Tòa xem xét quyết định. Về tài sản chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên Tòa cháu B xác nhận: Việc cháu viết đơn có nguyện vọng ở với bố khi bố mẹ cháu ly hôn gửi tòa án là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Nay tại phiên tòa cháu đề nghị được ở với bố đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị Ph, xử cho chị Ph được ly hôn anh Ch.

Về con chung: Các cháu Nguyễn Thị Yến Nh, sinh ngày 31/12/2004, Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày: 19/01/2006 đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét. Giao cháu Nguyễn Gia B cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng, chị Ph không PH cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị Ph và anh Ch không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Ph PH chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ph, anh Ch đều có hộ khẩu ở huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Ph và anh Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lâm xa (Nay là thị trấn Cánh Nàng), huyện B, tỉnh Thanh Hóa ngày 10/10/2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị Ph và anh Ch đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh Ch đồng ý ly hôn. Xét nguyện vọng của vợ chồng là chính đáng, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy yêu cầu của chị Ph đề nghị được ly hôn anh Ch là có căn cứ Ch nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Ph được ly hôn anh Ch.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Yến Nh, sinh ngày 31/12/2004, Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày: 19/01/2006 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày: 06/01/2014. Cháu Yến Nh và Thúy H đã thành niên nên Hội đồng xét xử miễn xét. Cháu Gia B hiện 11 tuổi, đang học lớp 5, ly hôn cả anh Ph và chị Ch đều có nguyện vọng nuôi cháu Gia B và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con pH cấp dưỡng. Xét đây đều là nguyện vọng chính đáng của vợ chồng **Tuy Nhân Hội đồng xét xử xét thấy anh Ch là người trực tiếp nuôi cả ba con từ năm 2016 cho tới nay, chị Ph đi xuất khẩu lao động không trực tiếp nuôi dưỡng, nay ly hôn vợ chồng còn cháu Gia B chưa thành niên nên chấp chấp quyền nuôi con là có căn cứ xem xét. Quá trình giải quyết vụ án cháu B cũng có đơn nguyện vọng ở với mẹ khi ly hôn sau đó lại có đơn và tại phiên tòa có nguyện vọng ở với bố, tại phiên tòa chị Ph cho rằng cháu B bị bố ép buộc, tại phiên tòa cháu B trình bày việc cháu viết đơn có nguyện vọng ở với bố là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Nay tại phiên tòa cháu tiếp tục đề nghị được ở với bố đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của cháu nên lời nại của chị Ph là không có cơ sở, chị Ph còn cho rằng anh Ch hết tuổi lao động không đủ điều kiện nuôi con là không có căn cứ, bản thân anh sức khỏe vẫn bình thường, công việc là công trình xây dựng vẫn ổn định, cuộc sống sinh hoạt gia đình từ trước đến nay vẫn ổn định, cháu B vẫn được ăn học và sinh hoạt bình thường, gia đình không thuộc hộ chính sách khó khăn. Vì vậy, nay ly hôn giao cháu Nguyễn Gia B sinh năm 2014 là con chưa thành niên của vợ chồng cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là Ph hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện của bị đơn và nguyện vọng của cháu B**

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Ph, anh Ch không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Ph pH chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Ph được ly hôn anh Nguyễn Duy Ch.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Yên Nh, sinh ngày 31/12/2004, Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày: 19/01/2006 đã thành niên nên miễn xét.

Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày: 06/01/2014 cho anh Ch nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị Ph không pH cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Ph có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Ph, anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ph pH chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/23 số 0006010 ngày 02/10/2024. Chị Ph đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND TT Cành Nàng;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Văn Nga

